

**CÔNG TY TNHH
HIMLAM GROUP**

Số: 01/2026/VBCB-HLG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Điện Biên, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Về việc tiếp nhận và đăng tải
thông tin năng lực hoạt động thí
nghiệm chuyên ngành xây dựng

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên.



Căn cứ nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

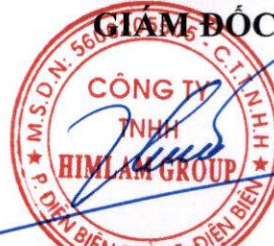
Sau khi nghiên cứu Nghị định trên, Công ty TNHH HimLam Group tại Địa chỉ: Số nhà 189, tổ 11, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên hoạt động trong lĩnh vực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã công bố năng lực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, theo quyết định số: 01/2026/QĐ-CBNL-HLG ngày 26/3/2026. (Có Quyết định kèm theo)

Công ty TNHH HimLam Group xin gửi thông tin công bố theo Quyết định trên đến Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên. Kính đề nghị Sở tiếp nhận và đăng tải thông tin của đơn vị chúng tôi lên trang thông tin điện tử để quản lý theo đúng quy định.

Đơn vị cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về thông tin công bố.

Xin trân trọng cảm ơn.!

CÔNG TY TNHH HIMLAM GROUP



Bùi Đức Thương

B. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng, máy móc, thiết bị tương ứng để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)
I	XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng, bề mặt riêng	TCVN 4030:03; ASTM C184, C188, C204, C115; AASHTO T133; AASHTO T153; AASHTO T106, BS EN 196; TCVN 13605-2023
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11; TCVN 5691:00; ASTM C109; ASTM C348; ASTM C349; AASHTO T106; BS EN 196; BS 1881
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định	TCVN 6017:15; TCVN 8875:12; TCVN 8876:12; ASTM C187, C191, C185, AASHTO T131, T129, BS EN 196, BS 1881
4	Giới hạn bền nén, phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982
5	Xác định độ nở Sunafat tiềm tàng;	TCVN 6068:2020; ASTM C452
6	Nhiệt thủy hóa xi măng	TCVN 6070:2005; ASTM C186
7	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 141:2008
II	CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
1	Thành phần cỡ hạt và modun độ lớn	TCVN 7572-2:06; TCVN 9205:12; AASHTO T27, T11; BS EN 932; BS EN 933; ASTM C136; ASTM C33; ISO 6274
2	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06; AASHTO T84, T85; ASTM C127, C128:12, C33; EN1097-6
3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06; AASHTO T85; ASTM C127
4	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06; AASHTO T19; ASTM C29; BS EN 1097

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
5	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:06; AASHTO T142, T255; AASHTO M6, M8; ASTM C70, C566, C33; BS EN 1097
6	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06; TCVN 334:86; AASHTO T11, T112; AASHTO M6, M8; BS EN 1097; ASTM C117, C566, C33, C412
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; AASHTO T267; AASHTO T21; AASHTO M6, M8; ASTM C40, C33
8	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D2938:95
9	Xác định độ nén đập trong và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06; BS 812; AASHTO M6, M8; ASTM C33
10	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06; ASTM C131; ASTM C535; ASTM C33; AASHTO T96, T327; AASHTO M6, M8; JIS A1121; BS EN 1092;
11	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; BS EN 933; ASTM C33, D4791; ASTM C88; AASHTO T335; AASHTO M6, M8
12	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic cho bê tông và vữa	TCVN 7572-14:06, TCVN 9205: 12
13	Hàm lượng ion clo cho bê tông và vữa	TCVN 7572-15:06 ASTM C123, TCVN 9205: 12
14	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:06, TCVN 6221:97
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06; AASHTO T122
16	Xác định hàm lượng bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06; BS 812
17	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006
18	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06; ASTM C123
19	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:2012; ASTM D1883-99
20	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
		AASHTO T176
21	Hàm lượng hoạt lọt qua sàng có kích thước lỗ sàng 75 um	TCVN 9205:2012; TCVN 344:1986; TCVN 8723:2012(ASTM-D2434)
III	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:22; ASTM C143; AASHTO T119; EN 12350; BS 1881
2	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3115:22; ASTM C642; ASTM C138; EN 12390; BS 1881
3	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
4	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022
5	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
6	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22; ASTM C642; ASTM C138; EN 12390; BS 1881
7	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
8	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:22; ASTM C642; ASTM C138; EN 12390; BS 1881
9	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022
10	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22; ASTM C39; ASTM C42; AASHTO T22; EN 12390; BS 1881
11	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:22; ASTM C293; ASTM C78; AASHTO T97
12	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022
13	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012
14	Xác định cường độ lăng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:22; ASTM C496; BS 1881
15	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
16	Đánh giá cường độ kéo khi ép chế của vật liệu liên kết bằng chất kết dính	TCXDVN 239:2006; TCVN 12252:2020
17	Đánh giá cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCXDVN 239:2006 ; TCVN 12252:2020; TCVN 14524:2025; TCVN 14525:2025

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
18	Đánh giá cường độ bê tông lấy trên kết cấu	TCXDVN 239:2006; TCVN 12252:2020
19	Thiết kế cấp phối bê tông	TCVN 10306 :2014 ; TCVN 9382-2012 QĐ số 778/1998- QĐ-BXD ; ACI 211-1 :1991 ; ACI 211-2 :1998
V	KIM LOẠI VÀ MỐI HÀN	
1	Thử kéo, Khuyết tật, ngoại quan, Dung sai trọng lượng	TCVN 197-1:14; TCVN 6288:97; TCVN 1824:93; TCVN 7937:13; ASTM A615; ASTM A370; ASTM D3953
2	Thử uốn	TCVN 198:08; ISO 7438:16; ASTM A370; ASTM A438; JIS X2247; JIS Z2248; GB/T 232:10; AS 2505:04
3	Mối hàn kim loại: Thử kéo, thử uốn	TCVN 5401:10; TCVN 5403:10; TCVN 8310:10; TCVN 8311:10; TCVN 11977:17; AASHTO T68
4	Kiểm tra chất lượng hàn ống – Thử nén dẹt	TCVN 5402:2010
5	Thử kéo bu lông neo, tải trọng phá hoại của bu lông, vít, vít cây, đai ốc	TCVN 1916:95; TCVN 4795:89; TCVN 4796:89; ASTM A370, A325; ASTM E8; ASTM F606; JIS B1186
6	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
7	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
8	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2000
9	Thử uốn thép gai	TCVN 6287:1997
11	Thử kéo mối nối ống ren thép cốt bê tông	TCVN 8163:2009; ISO 15835-2:2009
VI	ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG	
1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12; ASTM D854; AASHTO T100; BS1377
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12; ASTM D2216; AASHTO T265; BS1377

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
3	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; ASTM D4318; AASHTO T89; AASHTO T90; GOST 5180; BS1377
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14; ASTM D442; AASHTO T88; AASHTO T27; ASTM C136; ASTM D421; ASTM D1140; BS1377
5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:12; ASTM D3080; AASHTO T236
6	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn, cải tiến trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:12; TCVN 12790:20; TCVN 12790:2020; AASHTO T180; AASHTO T99; BS1377; ASTM D698; ASTM D1557
7	Thí nghiệm sức chịu tải (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	TCVN 8821:11; TCVN 12792:20; AASHTO T193; ASTM D1883; BS1377
8	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12; ASTM D7263; AASHTO T100; AASHTO T204; AASHTO T191, T205, T233; ASTM D4718, D2937; BS1377
9	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12; TCVN 8722:12; ASTM D2166; ASTM D2435; AASHTO T216; AASHTO T297
10	Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:12; 14TCN 139:05; AASHTO T204; ASTM D2434
11	Xác định đặt trung tan rã của đất	TCVN 8718:2012
12	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12; AASHTO T258; ASTM D4829; ASTM D4546
13	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012
14	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012
15	Xác định các đặc trưng lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8722:2012
16	Xác định góc nghi tự nhiên của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8724:12; ASTM D1883

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
17	Xác định sức chống cắt của đất hạt mịn xây dựng công trình thủy lợi	TCVN 8725:2012
18	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:12; ASTM D2974; AASHTO T267
19	Xác định tổ nghâm lượng và hàm lượng các ion thành phần muối hòa tan của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8727:12, TCVN 6862:12,
20	Xác định thành phần cấp hạt trong đá khoáng - Phương pháp rây và sa lang	TCVN 6862:2012
21	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đám nén Procto	TCVN 12790:2020
22	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ ẩm độ hút nước trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014
23	Đá xây dựng - Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 10322:2014
24	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
VII	HIỆN TRƯỜNG	
1	Do dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai	TCVN 8728:12; TCVN 8729:12; TCVN 8730:12; 22TCN 02:71; TCVN 12791:20; AASHTO T204; ASTM D2937
2	Xác định độ ẩm; khối lượng thể tích của đất, đá trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8729:12; ASTM D1556; AASHTO T191
3	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11; ASTM D4395
5	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011 ; ASTM D4695:96 ; AASHTO T256:77
6	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E965; AASHTO T278
7	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950:98
8	Do điện trở nối đất	TCVN 9385:2012
9	Thí nghiệm nén tĩnh cọc bê tông cốt thép	TCVN 9393:2012
10	Xác định độ lún công trình dân dụng và công. công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012
11	Đo chuyên vị ngang công trình	TCVN 9364:2012
12	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429:92
13	Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy - Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bập nảy	TCVN 9335:2012; E N 12504 TCVN 9357:2012

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
14	Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
15	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012
16	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
17	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
18	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	22 TCN 355-06 TCVN 10184:2021
19	Cọc khoan nhồi - Xác định tính đồng nhất của bê tông – Phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012
20	Kiểm tra độ thẳng thành vách cọc khoan nhồi	TCVN 9395:2012
21	Siêu âm thành vách hố khoan cọc khoan nhồi	TCVN 9395:2012
22	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012
23	Xác định độ chặt của đất bằng xuyên vít	ASTM D2573-08
24	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
25	Thành phần hạt của đất trong điều kiện hiện trường	22 TCN 66:1984
26	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hồ đào, hố khoan	TCVN 8731:2012
27	Xác định độ thấm nước của đất đá chứa nước bằng phương pháp hút nước thí nghiệm từ các lỗ khoan	TCVN 9148:2012
28	Xác định độ thấm nước của đất đá chứa nước bằng phương pháp ép nước thí nghiệm vào các lỗ khoan	TCVN 9149:2012
29	Xác định cường độ kéo nhỏ giữa cốt thép, bulông và bê tông	TCVN 9490:2012; ASTM C900-06
30	Phương pháp kiểm tra tiêu chuẩn về độ bền của neo trong cấu kiện bê tông	ASTM E488:95
31	Kiểm tra không phá hoại xác định chiều rộng vết nứt bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:2009
32	Xác định sức chịu tải của đất, cát đắp nền	ASTM D1194:1994
33	Ống bê tông cốt thép: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	CVN 9113:2012; ASTM C76
34	Công hợp: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	TCVN 9116:2012, ASTM C76
35	Xác định khả năng chịu tải của Nắp hố ga, song chắn rác	BS EN 124:2015 TCVN 10333-3:2014
36	Xác định khả năng chịu tải của Bó via bê tông đúc sẵn	TCVN 10797:2015

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
37	Xác định khả năng chịu tải của Gối công bê tông đúc sẵn	TCVN 10799:2015
38	Thí nghiệm xuyên tĩnh có đo áp lực nước rỗng (CPTu)	TCVN 9846:2013
39	Hồ ga thu nước mưa và hồ ngăn mùi	TCVN 10333-1:2014
40	Xác định áp lực nước rỗng trong đất	TCVN 8869:2011
VIII	BENTONITE	
1	Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, tỷ lệ kết dính, lượng mất nước, độ dày áo của sét, độ pH, độ ổn định, lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017
IX	ỐNG HDPE, ỐNG VPC	
1	Kiểm tra kích thước	TCVN 6145:2007
2	Xác định độ bền áp suất	TCVN 6149:2009
X	NƯỚC XÂY DỰNG	
1	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011; AASHTO T26-79
2	Xác định hàm lượng clorua (CL)	TCVN 6194:1996; ASTM D512:04
3	Xác định hàm lượng Sunfat (SO4)	TCVN 6200:1996; ASTM D516:102
4	Xác định lượng muối hòa tan; Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
5	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:1988
XI	SƠN	
1	Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo: xác định màu sắc; thời gian khô	TCVN 9791:2018; TCVN 8791:2011; ASTM D6628
2	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi và hệ nước: xác định độ mịn; màu sắc; độ dính bám ; độ chống loang	TCVN 8786:2018
3	Sơn tường dạng nhũ tương: xác định độ bám dính, chu kỳ nóng lạnh.	TCVN 8652:2012
XII	GẠCH, NGÓI	
1	Gạch xây, gạch xi măng lát nền: xác định cường độ nén, uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; lực va đập xung kích; tải trọng uốn gãy toàn viên; độ cứng lớp mặt	TCVN6355:2009; AASHTO T32; ASTM C67
2	Ngói: xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, thời gian xuyên nước, khối lượng một mét vuông ngói bảo hòa nước	TCVN 4313:1995
3	Gạch bê tông tự chèn: kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999
4	Gạch bê tông: kiểm tra kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 6477:2016

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
5	Gạch Terazo: kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, uốn, độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 7744:2013
6	Gạch Granito: kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan;	TCVN 6074:1995
XIII	GẠCH, ĐÁ ÓP LÁT TỰ NHIÊN, NHÂN TẠO	
1	Kiểm tra kích thước, ngoại quan và chất lượng bề mặt	TCVN 4732:2016; TCVN 8057:2009
2	Xác định độ hút nước; Xác định độ bền uốn	TCVN 6415:2016
XIX	NHỰA BITUM	
1	Xác định độ kim lún, độ kim lún PI	TCVN 7495:05; ASTM D5; AASHTO T49
2	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05; ASTM D113; AASHTO T51
3	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05; ASTM D36; AASHTO T53
4	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; ASTM D92; AASHTO T48
5	Xác định lượng tổ n thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:05; TCVN 11710:17; TCVN 11711:17; ASTM D6, D1754, D2872; AASHTO T47, T179, T240
6	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:2005 (ASTM D2042-01)
7	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:05; ASTM D70; AASHTO T228;
8	Xác định độ nhót động học, nhót tuyệt đối	TCVN 7502:2005 (ASTM D2170-01a)
9	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
10	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05; ASTM D3625; AASHTO T49
XX	BÊ TÔNG NHỰA	
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshal	TCVN 8860-1; AASHTO T245; ASTM D1559
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2; AASHTO T245; ASTM D1559
3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3; AASHTO T245; ASTM D1559
4	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4; AASHTO T245; ASTM D1559
5	Xác định tỉ trọng ln nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5; AASHTO T245; ASTM D1559
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8; AASHTO T245; ASTM D1559
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9; AASHTO T245; ASTM D1559
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10; AASHTO T245; ASTM D1559
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-10; AASHTO T245; ASTM D1559
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-10; AASHTO T245; ASTM D1559
13	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 13567-2022
14	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017 AASHTO - T326
15	Mô đun đàn hồi, cường độ chịu kéo khi uốn	22 TCN 211-06
XXI	VỮA XÂY DỰNG	
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
2	Xác định độ lưu động của vữa tươi (PP bàn d ã n)	TCVN 3121-3:2022
3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
4	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
5	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022
6	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
7	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:22; ASTM C349; BS EN 445
8	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022
9	Xác định hàm lượng lon Clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:2022
10	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
11	Thí nghiệm vữa a chèn cấp dự ứng lực	TCVN 11971:2018
XVI	BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
1	Xác định: Hình dáng bên ngoài; thành phần hạt; hàm lượng mất Khi nung; hàm lượng nước: khô lượng riêng; khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng; hệ số háo nước; hàm lượng chất hòa	22TCN 58:84; ASTM D5329; AASHTO T27

Ghi chú: Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

3. Máy móc, vật tư, thiết bị phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

Tất cả các thiết bị, máy móc, vật tư sử dụng cho các phép thử thí nghiệm hiện đang hoạt động tốt, đơn vị đều có chứng nhận kiểm tra, kiểm định. Có các hợp đồng mua bán và hoá đơn VAT hoàn toàn tuân thủ theo quy định của pháp luật, danh mục cụ thể như sau:

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng
1	Sàng tiêu chuẩn phi 200mm	Cái	17
2	Khuôn 150x150	Cái	40
3	Hộp cân bằng nhôm	Cái	10
4	Kích thủy lực	Cái	01
5	Phễu rót cát	Cái	03
6	Hộc đong 2 lít	Cái	01
7	Tủ sấy 101-1	Cái	02
8	Đồng hồ so	Cái	03
9	Bàn dẫn vữa xi măng	Bộ	01
10	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm	Chiếc	24
11	Thiết bị chảy	Chiếc	01
12	Nhiệt kế kim loại 350C	Chiếc	01
13	Máy ly tâm tách nhựa	Chiếc	02
14	Giấy lọc cho ly tâm	Hộp	01
15	Cân điện tử GS3202	Chiếc	01
16	Máy lắc sàng	Bộ	01
17	Hóa chất	Lít	10
18	Máy khoan + mũi khoan kim cương 100mm	Chiếc	01
19	Máy cưa đá	Chiếc	01
20	Quả lê cao su	Chiếc	01
21	Máy cắt phẳng	Chiếc	01
22	Dao cắt đất	Chiếc	01
23	Hộp cắt đất	Chiếc	01
24	Tấm ép truyền lực	Chiếc	01
25	Đồng hồ so 10mmx0,01	Chiếc	05
26	Bơm chân không	Chiếc	01
27	Cốc kim loại	Bộ	01
28	Cốc đong 2,5L	Chiếc	01
29	Bếp cách cát	Bộ	01
30	Bể ôn nhiệt	Chiếc	01
31	Súng bắn bê tông – Matest	Chiếc	01
32	Siêu âm bê tông – Matest	Bộ	01
33	Cân thủy tĩnh	Bộ	01
34	Máy nén bê tông 2000KN	Chiếc	03
35	Khuôn lập phương 150x150x150 kép 3	Chiếc	05
36	Khuôn uốn xi măng 40x40x160	Chiếc	03
37	Khuôn lập phương 150x60	Chiếc	03
38	Bộ gá nén mẫu XM 40x40	Bộ	01

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng
40	Dụng cụ VICA	Bộ	01
41	Máy trộn vữa xi măng	Chiếc	01
42	Máy dẫn vữa xi măng	Chiếc	01
43	Khuôn xi măng Le Chaterlier	Chiếc	03
44	Bình tỷ trọng xi măng	Chiếc	03
45	Bàn dẫn vữa xi măng	Bộ	01
46	Protor cải tiến	Bộ	01
47	Protor tiêu chuẩn	Bộ	01
48	Máy nén CBR 50KN	Chiếc	01
49	Khuôn CBR	Bộ	03
50	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm	Chiếc	30
51	Tỷ trọng kế 0,995 -1,030 -G7	Chiếc	01
52	Tỷ trọng kế 0-60 – G7	Chiếc	01
53	Máy thử độ mài mòn Los Angeles	Chiếc	01
54	Bộ xi lanh nén đập đá D75	Bộ	01
55	Bộ xi lanh nén đập đá D150	Bộ	01
56	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá	Chiếc	02
57	Bảng màu chuẩn	Chiếc	01
58	Phễu xác định độ xốp của cát	Chiếc	01
59	Thùng đong khối lượng thể tích 1;2;5;10;15;20	Bộ	01
60	Bộ dao vòng lấy mẫu đất Model: TS036 kèm 03 lưới dao TS084	Bộ	01
61	Bộ đo E bằng tám ép tĩnh	Bộ	01
62	Bộ cân Benkenman	Bộ	01
63	Thước phẳng 3m	Bộ	01
64	Dụng cụ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	Bộ	01
65	Máy nén Marshall 30KN	Chiếc	01
66	Bộ chày đầm marshall bằng tay	Bộ	01
67	Thùng ôn nhiệt	Chiếc	01
68	Thiết bị giãn dài nhựa	Bộ	01
69	Thiết bị kim lún nhựa	Bộ	01
70	Thiết bị TN bốc cháy nhựa	Bộ	01
71	Thiết bị TN hóa mềm nhựa	Bộ	01
72	Ống đong 50ml	Chiếc	03
73	Ống đong 100ml	Chiếc	03
74	Ống đong 250ml	Chiếc	03
75	Ống đong 500ml	Chiếc	03
76	Ống đong 1000ml	Chiếc	03

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng
77	Bình tam giác 50ml	Chiếc	03
78	Bình tam giác 100ml	Chiếc	03
79	Bình tam giác 250ml	Chiếc	03
80	Bình tam giác 500ml	Chiếc	03
81	Bình tam giác 1000ml	Chiếc	03
82	Bình hút âm	Chiếc	01
83	Bộ cối chày bằng sứ	Bộ	01
84	Bơm chân không	Chiếc	01
85	Bình hút chân không 8 lít	Chiếc	01
86	Cân điện tử 2000g x 0.01	Chiếc	01
87	Máy kiểm tra đa năng Model WE-1000B	Bộ	01
88	Côn sục bê tông N1	Bộ	02
89	Đế Kepping D150	Bộ	01
90	Khuôn vữa 7,07x7,07x7,07	Chiếc	03
91	Phễu xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa	Bộ	01
92	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ kích thước 150x300	Chiếc	30
93	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (bình rửa đá)	Chiếc	01
94	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (bình rửa cát)	Chiếc	01
95	Phễu xác định độ xốp của đá	Chiếc	02
96	Bình tỉ trọng đất	Chiếc	03
97	Thước xác định hạt dài, hạt dẹt	Chiếc	03
98	Bộ cần benkenmam	Bộ	01
99	Dụng cụ vi ca	Cái	01
100	Tỷ trọng kế	Cái	01
101	Tấm kính xác định giới hạn	Cái	01
102	Nhiệt kế thủy tinh	Cái	02
103	Bình tam giác không nút 100ml	Cái	01
104	Bình tam giác không nút 250ml	Cái	01
105	Bình tam giác không nút 500ml	Cái	01
106	Bình tam giác không nút 1000ml	cái	01
107	Cát tiêu chuẩn	Kg	20
108	Khuôn đúc mẫu bê tông lập phương 150x150x150 bằng nhựa	Chiếc	175
109	Cân điện tử 30kg x1g	Chiếc	01
110	Khuôn lập phương 150mm kép 3	Chiếc	05
111	Thiết bị giới hạn chảy, dẻo của đất casagrande	Bộ	1

4. Danh sách cán bộ thí nghiệm viên

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Thâm niên (Năm)
1	Nguyễn Thị Phương	- Bằng Kỹ sư chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp Số: 40131 do Trường đại học Kiến trúc hà nội cấp	Trưởng phòng	15
		- CC Quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Số: 1801-0108B/VNĐ-QL do Viện nghiên cứu và ứng dụng vật liệu xây dựng nhiệt đới cấp		
		- BN Thí nghiệm vật liệu xây dựng Số: 000949113/LĐT BXH-DN do Trường cao đẳng nghề GTVT Trung ương 1 cấp		
3	Đình Đức Thiện	- Bằng Kỹ sư chuyên ngành kỹ thuật xây dựng Số: 33343 do Trường đại học Lâm Nghiệp cấp	Thí nghiệm viên	8
		- CC Thí nghiệm bê tông bằng phương pháp không phá hủy Số: 2023/BT1-048/VKHCN do Viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng cấp		
		- CC Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông Số: 2024/GT1-095/VKHCN do Viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng cấp		
		- CC Thử nghiệm tính chất cơ lý của vật liệu xây dựng Số: 201711015/VKHCN do Viện khoa học công nghệ về đầu tư xây dựng tổng hội xây dựng Việt Nam cấp		
4	Đình Thanh Tuấn	- CC Thí nghiệm cơ lý của xi măng, bê tông và cốt liệu cho bê tông Số: 201703001/VKHCN do Viện khoa học công nghệ về đầu tư xây dựng tổng hội xây dựng Việt Nam cấp	Thí nghiệm viên	8

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Thâm niên (Năm)
2	Vương Tuấn Đạt	- CC Quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Số: 1807-00038B/VNĐ-QL do Viện nghiên cứu và ứng dụng vật liệu xây dựng nhiệt đới cấp	Thí nghiệm viên	7
5	Đào Thanh Thủy	- CC Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ Số: 41519 do Trường cao đẳng GTVT Trung ương 1 cấp	Thí nghiệm viên	5
6	Đào Trí Kiên	- CC Thí nghiệm hiện trường, kiểm tra tính chất cơ - lý của đất trong phòng thí nghiệm và hiện trường Số: 20.161.23/VKHCN-TNV do Viện khoa học và công nghệ GTVT cấp	Thí nghiệm viên	3
7	Quàng Thế Vĩnh	- CC Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông Số: 2025/GT1-064/VKHCN do Viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng cấp	Thí nghiệm viên	2
8	Phạm Đức Cảnh	- CC Thí nghiệm vữa, bê tông xi măng và vật liệu chế tạo Số: 2024/BT1-031/VKHCN do Viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng cấp	Thí nghiệm viên	2

5. Hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025:2017

- Phòng thí nghiệm được tổ chức và vận hành phù hợp với TCVN ISO/IEC 17025:2017 (hoặc ISO/IEC 17025:2017) tương ứng với các chỉ tiêu thí nghiệm tự công bố. Quyết định số 01/2026/VBCB-HLG ngày 26/03/2026 của Công ty TNHH HimLam Group về việc ban hành áp dụng quy trình tổ chức, quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

- Trưởng phòng; Phó trưởng phòng thí nghiệm có chứng nhận đào tạo, đánh giá viên nội bộ hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO/IEC 17025:2017.

6. Tổ chức quản lý phòng thí nghiệm cam kết:

- Luôn chấp hành tốt các nội quy quy định của Bộ, Sở Xây dựng về các quy trình thực hiện các phép thử;

- Luôn thực hiện và cung cấp kết quả các phép thử trung thực;

- Luôn học tập và tham gia các lớp tập huấn để nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ trong phòng;

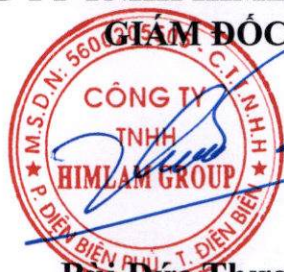
- Luôn duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO/IEC 17025:2017;
- Trang thiết bị bổ sung và mua sắm mới đủ cho thực hiện dự án;
- Thực hiện các quy định về công bố năng lực hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Đáp ứng các yêu cầu của cơ quan kiểm tra, đánh giá khi tiến hành kiểm tra, đánh giá hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Công ty TNHH HimLam Group cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên;
- Các đơn vị Chủ đầu tư; Ban QLDA;
- Các Sở; Ban; Ngành; tổ chức có liên quan trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
- Lưu VT.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ
NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
CÔNG TY TNHH HIMLAM GROUP**



Bùi Đức Thương